

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **263** /UBND-KGVX
V/v quy đổi chứng chỉ ngoại
ngữ, tin học trên địa bàn tỉnh

Đắk Lắk, ngày **08** tháng 01 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để thống nhất thực hiện quy định về chứng nhận/chứng chỉ năng lực ngoại ngữ, trình độ tin học đối với từng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức và người lao động; trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh quy định thực hiện tạm thời quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học trên địa bàn tỉnh trong thời gian chờ các Bộ, ngành liên quan ban hành các văn bản pháp lý quy định thống nhất việc quy đổi chứng chỉ, thực hiện hoạt động của hệ thống khảo thí ngoại ngữ quốc gia, cụ thể như sau:

1. Quy đổi chứng chỉ, trình độ Tin học

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (Thông tư số 17); Mục 2 Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ GDĐT về việc quy đổi chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học (Công văn số 3755).

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã được cấp trước ngày 31/12/2016 (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của Bộ GDĐT về việc ban hành chứng chỉ tin học ứng dụng A,B) có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 17.

2. Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GDĐT về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01); Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ GDĐT ban hành chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C (Quyết định số 177); Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ GDĐT ban hành quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành (Quyết định số 66); Mục 1 Công văn số 3755, Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/11/2014 của Bộ GDĐT về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22/10/2014 của Bộ Nội vụ về việc “Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ”.

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức được quy định thực hiện theo Khung năng lực ngoại ngữ (NLNN) 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành tại Thông tư số 01 áp dụng quy đổi mức độ tương đương, cụ thể:

2.1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị của Việt Nam cấp

Khung NLNN 6 bậc của Việt Nam	Trình độ theo Quyết định số 66	Trình độ theo Quyết định số 177
Bậc 1	Trình độ A1	Trình độ A
Bậc 2	Trình độ A2	Trình độ B
Bậc 3	Trình độ B1	Trình độ C
Bậc 4	Trình độ B2	
Bậc 5	Trình độ C1	
Bậc 6	Trình độ C2	

2.2 Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ do Nước ngoài cấp

a. Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	IELTS (British Council/IDP Education)	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge English (Cambridge Assessment)	Khung NLNN 6 bậc
		(Educational Testing Service) <i>Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được</i>					
A1	1.5 - 2.5	120 (50 - 30)	310	33	9	100 - 119	1
A2	3.0 - 4.0	225 (70 - 50)	397	93	30	120 - 139 (KET)	2
B1	4.5 - 5.0	450* (105 - 90)	450	133	45	140 - 159 (PET)	3
B2	5.5 - 6.5	600* (140 - 130)	500	173	61	160 - 179 (FCE)	4
C1	7.0 - 8.0	850** (170 - 165)	550	213	90	180 - 199 (CAE)	5
C2	8.5 - 9.0	950 (200 - 200)	590	243	96	200 - 230 (CPE)	6

(*) Mức này theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ GDĐT.

(**) Mức này theo Công văn số 1311/BGDĐT-ĐANN ngày 01/3/2013 của Bộ GDĐT.

TOEIC 2 kỹ năng (Nghe, Đọc). Đối với giáo viên dạy tiếng Anh, phải đạt TOEIC 4 kỹ năng (Nghe, Đọc, Nói, Viết).

Ví dụ: Tại bậc 5 (cấp độ C1): 850** (170 - 165) được hiểu là TOEIC 2 kỹ năng đạt từ 850, đối với giáo viên dạy tiếng Anh có đủ 4 kỹ năng, trong đó kỹ năng Nói đạt 170 và kỹ năng Viết đạt 165.

b. Chứng chỉ JETSET (Tổ chức Pearson EDI Vương quốc Anh cấp)

Là chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Anh gồm 4 kỹ năng (Nghe, Nói, Đọc, Viết) từ cấp độ 1 đến cấp độ 7.

Cấp độ 1 của chứng chỉ JETSET tương ứng với cấp độ dưới A1, từ cấp độ 2 đến cấp độ 7 tương ứng với cấp độ từ A1 đến C2 trong Khung tham chiếu chung Châu Âu về ngôn ngữ (CEFR), tương đương từ cấp độ 1 đến cấp độ 6 của Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c. Đối với các Ngoại ngữ khác (do các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp hợp pháp)

Khung NLNN 6 bậc	Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Bậc 1	A1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp độ 1	
Bậc 2	A2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp độ 2	JLPT N5
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
Bậc 4	B2	TRKI 2	DELTA B2 TCF niveau 4	B2 Test DaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3
Bậc 5	C1	TRKI 3	DALF C1		HSK cấp độ 5	JLPT N2
Bậc 6	C2	TRKI 4	DALF C2		HSK cấp độ 6	JLPT N1

3. Về việc chấp nhận chứng chỉ/chứng nhận năng lực ngoại ngữ và thời hạn áp dụng của các chứng chỉ/chứng nhận năng lực ngoại ngữ

Tất cả các chứng chỉ/chứng nhận NLNN được các tổ chức, đơn vị trong nước và quốc tế cấp hợp pháp (gồm chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị Việt Nam cấp theo Quyết định số 177 và Quyết định số 66; chứng nhận NLNN do các đơn vị được Bộ GDĐT cho phép tổ chức rà soát, thi, cấp theo khung NLNN 6 bậc, chứng chỉ ngoại ngữ theo khung CEFR) được quy định tại hướng dẫn này đều được công nhận.

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức; nâng ngạch công chức; thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức căn cứ khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01 để đánh giá (khi tổ chức thi hoặc sát hạch trình độ ngoại ngữ) NLNN của các đối tượng.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm theo dõi, tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước việc tổ chức dạy, thi, cấp chứng chỉ/chứng nhận NLNN và Tin học trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các đơn vị tổ chức dạy, thi, cấp chứng chỉ/chứng nhận NLNN, Tin học trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Nhận được Công văn này, Các Sở, ban, ngành; đoàn thể của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.*ka*

Nơi nhận.

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KGVX (H^TN-30b_H).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



H'Yim Kđoh